TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 1312/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Nguyên Thao

2/ Bà Nguyễn Thị Tường Thư

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Nguyệt T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số nhà 33 E Đường số M, Khu phố N, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1986
Địa chỉ: số nhà 33 E Đường số M, Khu phố N, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2017 và lời trình bày của bà Dương Thị Nguyệt T:

Bà và ông Nguyễn Hữu P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2013. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông P có sự thay đổi, thường xuyên vắng nhà và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với bà. Thời gian qua vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi do không còn tin

tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Do vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Hữu P.

Con chung: không có.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Bà Dương Thị Nguyệt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên toà. Ông Nguyễn Hữu P đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt . Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Dương Thị Nguyệt T được ly hôn ông Nguyễn Hữu P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ nội dung vụ án do chủ toạ phiên toà công bố, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn", được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông P, đồng thời triệu tập ông P tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông P không đến Tòa để tham gia và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông P đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp cùng lời trình bày của bà T tại đơn khởi kiện, bản tự khai để xem xét, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: xét, bà Dương Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Hữu P có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2013 ngày 15/5/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015, đến nay đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Do mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: không có.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 238; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Nguyệt T;

Bà Dương Thị Nguyệt T được ly hôn ông Nguyễn Hữu P.

2. Con chung: không có.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Dương Thị Nguyệt T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai T số 0037012 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (bà T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường X, quận Y, TP.HCM;
- Lưu: VP, Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy